

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SƠN LA
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 286 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29-10-2018
V/v: Ly hôn giữa anh Tiên, chị Yên.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA - TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bạ.
2. Ông Lò Văn Quý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 281/2018/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 9 năm 2018 về việc Xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 281/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Trần Trung T – Sinh năm 1970; Có mặt.

ĐKKHKT: Số 15, hẻm 358/25/7 B, quận T, thành phố Hà Nội; Tạm trú: Tổ X, phường Q, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

2. *Bị đơn:* chị Lò Thị Y – Sinh năm 1979; Vắng mặt.

ĐKKHKT: Tổ X, phường Q, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn anh Trần Trung T trình bày:

Về tình cảm: Anh và chị Lò Thị Y kết hôn từ ngày 21/11/2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, không ai bị ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng sau khi kết hôn không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Chị Y đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2012 đến nay không rõ địa chỉ. Đến nay

anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T có nguyện vọng xin ly hôn chị Lò Thị Y.

Về con chung: Anh Trần Trung T và chị Lò Thị Y có 02 con chung là cháu Trần Trung K – Sinh ngày 15/5/2005 và cháu Trần Khánh L – Sinh ngày 18/6/2009. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu K và cháu L. Anh T không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Về tài sản riêng; Về nợ chung: Anh T cam đoan vợ chồng không có tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Trung T vẫn giữ nguyên quan điểm của mình là xin được ly hôn với chị Lò Thị Y; Về con chung: xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Trần Trung K – Sinh ngày 15/5/2005 và cháu Trần Khánh L – Sinh ngày 18/6/2009, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Lò Thị Y vắng mặt tại nơi cư trú, vắng mặt và không có ý kiến tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về kiểm sát việc tuân theo pháp luật: Việc thụ lý, giải quyết của thẩm phán và quá trình xét xử của Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật, việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng.

Bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú Tòa án đã thực hiện việc: Thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú và thực hiện việc xét xử đảm bảo quy định của pháp luật.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về tình cảm: Xử cho anh Trần Trung T được ly hôn chị Lò Thị Y.

Về con chung: Giao hai cháu Trần Trung K – Sinh ngày 15/5/2005 và cháu Trần Khánh L – Sinh ngày 18/6/2009 cho anh Trần Trung T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Lò Thị Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Về tài sản riêng; Về nợ chung: không có.

Các đương sự phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Tòa án nhận định như sau:

[1] Về Tố tụng: Chị Lò Thị Y không có mặt tại nơi cư trú. Tòa án nhân dân thành phố Sơn La đã ra Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú theo Quyết định số: 14/2018/QĐST-VDS ngày 10/5/2018, hết thời hạn 04 tháng kể từ ngày đăng, phát thông báo lần đầu tiên, người cần tìm kiếm không trở về, Tòa án nhân dân thành phố Sơn La giải quyết vụ án theo luật định.

Do không thể giao trực tiếp cho bị đơn các văn bản tố tụng của Tòa án nên Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Lò Thị Y.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Trung T và chị Lò Thị Y kết hôn từ ngày 21/11/2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, không ai bị ép buộc nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Y là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa hai bên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xích mích, cãi vã. Chị Lò Thị Y đã bỏ nhà đi từ năm 2012 đến nay, không quan tâm, chăm lo cuộc sống gia đình và con cái.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán, hội đồng xét xử đã phân tích khuyên giải hướng cho anh T suy nghĩ rút yêu cầu xin ly hôn để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T vẫn kiên quyết xin được ly hôn.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh T và chị Y trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh Trần Trung T được ly hôn chị Lò Thị Y, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Trần Trung T và chị Lò Thị Y có 02 con chung là cháu Trần Trung K – Sinh ngày 15/5/2005 và cháu Trần Khánh L – Sinh ngày 18/6/2009. Hiện nay cả hai cháu K và cháu L đều đang được anh T chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K và cháu L.

Xét từ thời điểm chị Y bỏ đi khỏi nơi cư trú, anh T là người chăm sóc, giáo dục và có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu K và cháu L; để cháu K và cháu L có điều kiện được học tập và phát triển. Chị Y hiện đã bỏ nhà đi không rõ tung tích, không quan tâm đến cuộc sống gia đình và con cái. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Y không có ý kiến và nguyện vọng được xin nuôi con gửi đến Tòa án, hai cháu K và cháu L đều có nguyện vọng xin được bố là anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó cần chấp nhận đề nghị xin nuôi con chung của anh T, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung; Về tài sản riêng; Về nợ chung: Căn cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án và anh T cam đoan không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Trần Trung T được ly hôn chị Lò Thị Y.

2. *Về con chung:* Giao con chung là cháu Trần Trung K – Sinh ngày 15/5/2005 và cháu Trần Khánh L – Sinh ngày 18/6/2009 cho anh Trần Trung T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Chị Lò Thị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. *Về án phí:*

Anh Trần Trung T phải chịu 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001602 ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSNDTP Sơn La;
- Chi cục THADSTP Sơn La;
- UBND P. Quyết Thắng, Tp. Sơn La, tỉnh Sơn La (để vào sổ hộ tịch);
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Văn Nghĩa